ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 73 /2026/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 13 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 339/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 4 năm 2026 và Công văn số 4007/SNNMT-BHĐKN ngày 25 tháng 4 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *24* tháng 5 năm 2026.

2. Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy định quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biển và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng NN-XD (Kha13);
- Lưu: VT, TH246/5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo điểm b khoản 1 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và pháp luật có liên quan; gắn với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ với phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

2. Các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển phải bảo đảm không làm suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, không làm gia tăng nguy cơ sạt lở, xói lở, xâm thực bờ biển; ưu tiên bảo vệ rừng ngập mặn, bãi triều, bãi bồi, các khu vực nhạy cảm ven biển; bảo đảm quyền tiếp cận biển của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển được thực hiện thống nhất trên toàn địa bàn tỉnh; phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ và các quy hoạch có liên quan đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm kế thừa, hợp nhất và đồng bộ hồ sơ, dữ liệu hành lang bảo vệ bờ biển.

4. Việc lập, điều chỉnh quy hoạch, chương trình, dự án và công trình ven biển phải rà soát, đối chiếu ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển; trường hợp có chồng lấn, xung đột phải được xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và thẩm quyền. Công tác quản lý được thực hiện trên cơ sở dữ liệu thống nhất, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã có biển trong kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm.

Chương II
QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 4. Hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Cà Mau là dải đất ven biển được thiết lập theo Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (trước đây) phê duyệt và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển được xác định theo các quyết định phê duyệt ranh giới và hồ sơ kỹ thuật kèm theo đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu (trước đây) phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

3. Việc công bố, cung cấp thông tin về ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 5. Mốc giới và quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

a) Mốc giới được thiết lập trên thực địa để xác định ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Cà Mau;

b) Cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định tại Chương IV Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT.

2. Quản lý, bảo vệ mốc giới

a) Nghiêm cấm hành vi dịch chuyển, phá hoại, làm hư hỏng mốc giới; trường hợp vi phạm bị xử lý theo quy định và buộc khôi phục tình trạng ban đầu, bồi thường thiệt hại (nếu có);

b) Mốc giới phải được kiểm tra định kỳ hằng năm hoặc kiểm tra đột xuất khi cần thiết; trường hợp hư hỏng, mất do tác động của con người hoặc thiên tai phải có phương án khôi phục, cắm lại theo hồ sơ lưu trữ, bảo đảm đúng quy cách, vị trí;

c) Trường hợp ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển được điều chỉnh theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc mốc hiện trạng không còn phù hợp, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm tổ chức cắm lại mốc theo hồ sơ thiết kế mới được phê duyệt;

d) Sau khi thiết lập, mốc giới và ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được lập biên bản bàn giao tại thực địa cho Ủy ban nhân dân cấp xã có biển để trực tiếp quản lý, bảo vệ, kiểm tra, giám sát.

Điều 6. Thành phần, nơi lưu giữ và khai thác hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Thành phần hồ sơ bao gồm

a) Quyết định phê duyệt và công bố đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm; danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang; ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển (dạng giấy và số);

c) Hồ sơ chuyên môn kỹ thuật, bản đồ, số liệu, báo cáo thuộc các nhiệm vụ: xây dựng đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm; lập danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; xác định ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển; cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển;

d) Biên bản bàn giao mốc giới tại thực địa.

2. Lưu trữ, bảo quản hồ sơ

a) Hồ sơ gốc được lưu giữ tập trung tại Sở Nông nghiệp và Môi trường để quản trị cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh;

b) Hồ sơ bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã có biển phục vụ quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển gồm: Bản đồ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển (giấy và số), sơ đồ vị trí và bảng thống kê vị trí mốc giới, biên bản bàn giao và tài liệu liên quan.

3. Cung cấp, khai thác hồ sơ

Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Điều 7. Điều chỉnh, hiệu chỉnh hành lang bảo vệ bờ biển

1. Việc điều chỉnh Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

2. Việc điều chỉnh, hiệu chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

3. Căn cứ các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm rà soát, tham mưu việc điều chỉnh danh mục khu vực, điều chỉnh, hiệu chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo thẩm quyền; đồng thời tổ chức cập nhật hồ sơ, bản đồ, mốc giới và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các hoạt động bị nghiêm cấm, bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 24 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13.

2. Các hoạt động bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 25 Luật số 82/2015/QH13 và Điều 41 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Điều này tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật; buộc khôi phục tình trạng ban đầu và bồi thường thiệt hại (nếu có).

Điều 9. Công khai thông tin, tuyên truyền và tiếp nhận phản ánh

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có biển, đối với khu vực đã được thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển thuộc địa bàn quản lý, có trách nhiệm niêm yết công khai thông tin cơ bản về ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển (bản đồ, mốc giới, khu vực quản lý) tại trụ sở và bằng các hình thức phù hợp khác theo điều kiện thực tế; cập nhật khi có điều chỉnh theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đồng thời tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã có biển tiếp nhận phản ánh, kiến nghị liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển; tổ chức kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh; tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có biển trong việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật và Quy định này.

3. Tổ chức quản lý, lưu trữ, cập nhật, khai thác hồ sơ, dữ liệu về hành lang bảo vệ bờ biển; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và phục vụ công tác quản lý nhà nước.

4. Tham mưu việc rà soát, điều chỉnh Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; điều chỉnh, hiệu chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

5. Tổng hợp tình hình thực hiện, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã có biển

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã có biển nơi có hành lang bảo vệ bờ biển

a) Tiếp nhận, quản lý và bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tại thực địa; bảo vệ hệ thống mốc tọa độ, mốc độ cao chuyên dụng phục vụ thiết lập, điều chỉnh và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển; thường xuyên theo dõi, kịp thời phát hiện tình trạng hư hỏng, mất mốc để báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

b) Niêm yết, công khai thông tin về ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển (bản đồ, mốc giới, khu vực quản lý) tại trụ sở và các địa điểm phù hợp khác theo điều kiện thực tế; cập nhật kịp thời khi có điều chỉnh, thay đổi theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm (trước ngày 10 tháng 12 của năm báo cáo) hoặc đột xuất về tình hình quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Trách nhiệm chung của Ủy ban nhân dân cấp xã có biển

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và Quy định này về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển;

b) Theo dõi hiện trạng, biến động khu vực ven biển thuộc phạm vi quản lý; kịp thời phản ánh, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, điều chỉnh Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển hoặc điều chỉnh, hiệu chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động ven biển theo thẩm quyền.

3. Việc thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã có biển được thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã có biển trong việc tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, bảo đảm việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh được thực hiện thống nhất, đồng bộ và hiệu quả.

2. Trong quá trình lập, thẩm định, trình phê duyệt hoặc điều chỉnh quy hoạch, chương trình, dự án, công trình ven biển có liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển, cơ quan chủ trì có trách nhiệm:

a) Rà soát, đối chiếu ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo hồ sơ, bản đồ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Phối hợp với cơ quan quản lý hành lang bảo vệ bờ biển để bảo đảm việc đề xuất, quyết định đầu tư, xây dựng không làm ảnh hưởng đến mục tiêu quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

1. Trong thời gian chưa hoàn thành việc rà soát, hợp nhất đầy đủ hồ sơ, dữ liệu và hệ thống mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển trên toàn tuyến bờ biển tỉnh Cà

Mau, việc quản lý hành lang bảo vệ bờ biển tiếp tục thực hiện theo các quyết định phê duyệt danh mục các khu vực, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển, bản đồ và hồ sơ liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước đây quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Quy định này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã có biển tổ chức rà soát, hợp nhất và chuẩn hóa hồ sơ, dữ liệu hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh; trường hợp phát hiện có sai sót, chồng lấn hoặc bất cập thì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đã được xác lập trước thời điểm Quy định này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện theo quy định của pháp luật; trường hợp phát sinh thay đổi do điều chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.